TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN T	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH T	*T, ngày 14 tháng 4 năm 2021*
Số: 100 /2021/QĐST - HNGĐ	

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2021

Giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ ; Sinh năm: 1983

Nơi ĐKHKTT: Xóm 1, xã Q, huyện T, tỉnh T.

và Bị đơn: Anh Nguyễn Đình D; Sinh năm: 1982

Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5, điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06/4/2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06/4/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có sự đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Đình D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân : Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Đình D đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.
- Về con chung : Vợ chồng có một con chung, cháu là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2007. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Đình D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng), kể từ tháng 4 năm 2021 đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Đình D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Đình D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện nộp toàn bộ án phí DSST là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con nộp một lần là 150.000đ cho anh Nguyễn Đình D. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0006387 ngày 22/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện T;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

CAO HỒNG ĐỨC